

Ninh Thành, ngày 25 tháng 12 năm 2023

**THUYẾT MINH TÌNH HÌNH ƯỚC THỰC HIỆN
THU – CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023
VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2024**

Căn cứ Quyết định số 1279/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2022 của Chủ tịch UBND thành phố Tây Ninh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2023 trên địa bàn Thành phố;

Căn cứ Quyết định số 1479/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2023 của Chủ tịch UBND thành phố Tây Ninh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2024 trên địa bàn Thành phố;

I. Tình hình ước thực hiện thu – chi ngân sách nhà nước năm 2023:

1. Về thu ngân sách nhà nước:

a. Thu theo nhiệm vụ:

Thực hiện thu ngân sách nhà nước 11 tháng đầu năm 2023: 3.254.987.984 đồng, đạt 104,1% (3.254.987.984 đồng/3.127.000.000 đồng), so với cùng kỳ năm 2022 tăng 2,45 %.

Ước thu ngân sách nhà nước tháng 12/2023: 150.000.000 đồng.

Ước thực hiện thu ngân sách nhà nước năm 2023: 3.404.987.984 đồng, đạt 108,9% (3.404.987.984 đồng/3.127.000.000 đồng).

b. Thu hưởng điều tiết:

- Tổng ước thu hưởng điều tiết năm 2023: 8.224.516.862 đồng, đạt 102,1 % (8.224.516.862 đồng/ 8.055.890.000 đồng), trong đó:

+ Thu hưởng điều tiết từ ngân sách cấp trên 11 tháng đầu năm 2023: 4.795.539.242 đồng, đạt 93,8% (4.795.539.242 đồng/ 5.111.050.000 đồng); ước tháng 12/2023: 193.200.000 đồng; Lũy kế năm 2023: 4.988.739.242 đồng, đạt 97,6% (4.988.739.242 đồng/ 5.111.050.000 đồng).

+ Thu hưởng điều tiết theo nhiệm vụ 11 tháng đầu năm 2023: 3.098.977.620 đồng, đạt 104,1% (3.098.977.620 đồng/ 2.944.840.000 đồng); ước tháng 12/2023: 136.800.000 đồng; Lũy kế năm 2023: 3.235.777.620 đồng, đạt 109,9% (3.235.777.620 đồng / 2.944.840.000 đồng).

- Tổng ước nguồn tăng thu điều tiết năm 2023: 168.626.862 đồng.

2. Về chi ngân sách nhà nước:

Thực hiện chi ngân sách nhà nước 11 tháng đầu năm 2023: 6.119.478.932 đồng, đạt 72,9% (6.119.478.932 đồng/ 8.398.290.000 đồng), so với cùng kỳ năm 2022 tăng 6,2%.

Ước chi ngân sách nhà nước tháng 12/2023: 1.420.000.000 đồng; ước chi ngân sách 12 tháng năm 2023: 7.539.478.932 đồng đạt 89,77% (7.539.478.932 đồng/8.398.290.000 đồng).

3. Đánh giá tình hình ước thực hiện nhiệm vụ thu- chi ngân sách năm 2023:

3.1. Về ước thu ngân sách nhà nước:

Công tác thu thuế được sự quan tâm của lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời đã đề ra các giải pháp chủ yếu cần tập trung chỉ đạo thu ngân sách nhà nước năm 2023. Qua đó, Đội thuế phường đã có bước chủ động hơn trong việc đề ra giải pháp cụ thể khả thi, tập trung nỗ lực phấn đấu thực hiện công tác thu thuế, kết quả ước thực hiện thu ngân sách nhà nước năm 2023 đạt 108,9% so với dự toán, cụ thể:

*** So với dự toán năm 2023:**

- Có 03/06 khoản thu, sắc thuế có tỷ lệ đạt trên 100% so dự toán năm gồm: Thu khác đạt 386,5% (127.557.150 đồng/ 33.000.000 đồng); Lệ phí môn bài đạt 111,8% (87.200.000 đồng/ 78.000.000 đồng); Thuế sử dụng đất PNN đạt 228,7% (1.399.676.035 đồng/612.000.000 đồng)

- Có 03/06 khoản thu, sắc thuế có tỷ lệ đạt trên 50 % so dự toán năm gồm: Thuế thu nhập cá nhân đạt 85,6% (472.758.754 đồng/ 552.000.000 đồng); Phí, lệ phí đạt 56,7% (142.827.000 đồng/ 252.000.000 đồng); Thuế giá trị gia tăng đạt 55,7 % (890.931.925 đồng/ 1.600.000.000 đồng).

*** So với cùng kỳ năm 2022:**

- Có 04/06 khoản thu, sắc thuế tăng so cùng kỳ, tỷ lệ tăng như sau: Lệ phí môn bài tăng 13,46%; Thuế giá trị gia tăng 21,35%; Thuế thu nhập cá nhân tăng 15,65%; Thu khác tăng 14,3%.

- Có 02/06 khoản thu, sắc thuế giảm so cùng kỳ, tỷ lệ giảm như sau: Phí, lệ phí giảm 13,77% ; Thuế phi nông nghiệp giảm 5,78%.

3.2. Về chi ngân sách nhà nước:

- Công tác điều hành chi ngân sách về cơ bản chi theo kế hoạch đề ra. Thực hiện nghiêm túc nguyên tắc chi tiêu ngân sách theo đúng chế độ thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, thất thoát trong chi tiêu.

- Ưu tiên thực hiện chi lương và các khoản có tính chất lương.

- Đảm bảo kinh phí chỉ cho Đảng, đoàn thể, nhà nước hoạt động.

- Đối với chi hành chính thực hiện đúng định mức chi tiêu theo quy định thực hành tiết kiệm chống lãng phí.

- Thực hiện tốt quy chế công khai tài chính cũng như pháp lệnh dân chủ ở cơ sở và qui chế chi tiêu nội bộ của cơ quan.

3.3. Nguyên nhân:

*** Nguyên nhân những kết quả đạt được:**

- Đạt được kết quả như trên là do có sự lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời của Đảng ủy, HĐND và UBND phường; sự hỗ trợ của các ban, ngành, đoàn thể, khu phố và sự nỗ lực phấn đấu bám sát nguồn thu của đội ngũ cán bộ thuế, góp phần cùng hoàn thành nhiệm vụ thu, chi NSNN 11 tháng đầu năm 2023.

- Đội thuế Phường Ninh Thạnh đã triển khai công tác thu ngay từ đầu năm cho các đối tượng nộp thuế theo đúng qui định. Đồng thời, thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật thuế, cũng như tổ chức khai thác các nguồn thu phát sinh đưa vào bộ thuế quản lý thu, thu đúng, thu đủ nộp vào ngân sách kịp thời.

*** Nguyên nhân của những hạn chế:**

- Phí, lệ phí thu thấp so với dự toán do năm trước tình hình diễn biến dịch Covid-19, người dân làm hồ sơ hưởng chế độ nhiều.

- Thuế giá trị gia tăng, Thuế thu nhập cá nhân thu thấp so với dự toán do bộ thuế giao chỉ tiêu cao so với nguồn bộ thuế.

II. Phương hướng, nhiệm vụ thu – chi ngân sách nhà nước năm 2023:

1. Dự toán thu ngân sách:

- Thu ngân sách nhà nước năm 2024: 3.466.000.000 đồng.

- Thu ngân sách phường năm 2024: 9.187.414.000 đồng. Trong đó:

+ Thu hưởng điều tiết theo nhiệm vụ: 3.261.400.000 đồng.

+ Thu từ nguồn huyện thu, xã hưởng: 4.886.614.000 đồng.

+ Thu bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh: 57.000.000 đồng.

+ Thu bổ sung mục tiêu từ ngân sách TP: 73.200.000 đồng.

+ Thu chuyển nguồn năm trước (CCIL): 909.200.000 đồng.

- UBND phường đôn đốc chỉ đạo đội thuế phường cũng phối hợp các ban, ngành, đoàn thể, khu phố tiếp tục triển khai nhiệm vụ thu năm 2024, có kế hoạch tạo nguồn thu, khai thác có hiệu quả các nguồn thu, thực hiện thu đúng, thu đủ, sát với thực tế kinh doanh. Tập trung xử lý và giải quyết các trường hợp nợ thuế, thu hồi các khoản nợ có khả năng thu, nộp kịp thời vào ngân sách nhà nước đồng thời tăng cường chống thất thu thuế ngoài quốc doanh.

- Phối hợp chặt chẽ với các ngành có liên quan để thông báo kịp thời việc chấp hành nghĩa vụ thuế của các cơ sở kinh doanh.

- Tiếp tục duy trì thu đúng, thu đủ các loại phí, lệ phí theo quy định.

2. Dự toán chi ngân sách:

- Tổng chi ngân sách phường: 9.187.414.000 đồng. Trong đó:

+ Chi thường xuyên: 9.010.424.000 đồng

+ Chi dự phòng ngân sách: 176.990.000 đồng

- Ưu tiên thực hiện chi lương và các khoản có tính chất lương. Đảm bảo kinh phí chi hoạt động cho Đảng, đoàn thể, nhà nước. Đối với chi quản lý hành chính thực hiện đúng định mức chi tiêu theo quy định thực hành tiết kiệm chống lãng phí.

- Thực hiện quy chế công khai tài chính và quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan.

Trên đây là báo cáo thuyết minh ước thực hiện nhiệm vụ thu – chi ngân sách nhà nước năm 2023 và nhiệm vụ giải pháp thực hiện thu – chi ngân sách năm 2024 của UBND Phường Ninh Thạnh./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Quang Vinh

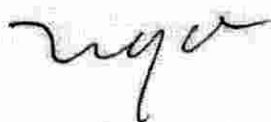
BIỂU CÂN ĐỐI TỔNG HỢP DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số/NQ-HDND ngày 29/12/2023
của Hội đồng nhân dân phường Ninh Thạnh, thành phố Tây Ninh)

ĐVT: đồng

Nội dung thu	Dự toán	Nội dung chi	Dự toán
TỔNG SỐ THU	9.187.414.000	TỔNG SỐ CHI	9.187.414.000
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	339.000.000	I. Chi đầu tư phát triển	-
1. Thu phí, lệ phí	313.000.000		
2. Thu khác tại xã	26.000.000		
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	2.922.400.000	II. Chi thường xuyên	9.010.424.000
1. Thu thuế PNN	981.000.000		
2. Thu thuế GTGT	1.526.000.000		
3. Thuế thu nhập cá nhân (thu từ SX, KD)	415.400.000		
III. Huyện thu xã hưởng	4.886.614.000	III. Dự phòng	176.990.000
1. Thu thuế GTGT	1.675.000.000		
2. Thu thuế TNDN	603.000.000		
3. Thu thuế TTĐB	6.700.000		
4. Lệ phí trước bạ nhà đất	2.601.914.000		
IV. Thu bổ sung	130.200.000		
1. Thu bổ sung cân đối			
2. Thu bổ sung có mục tiêu	130.200.000		
V. Thu chuyển nguồn năm trước (nguồn CCTL)	909.200.000		

Kế toán



Nguyễn Thị Như Ngọc

Ninh Thạnh, ngày 25 tháng 12 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Quang Vinh

TỔNG HỢP DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024

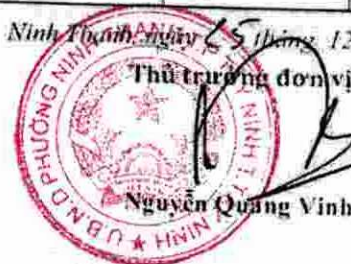
(Kèm theo Nghị quyết số/NQ-HĐND ngày .../12/2023
của Hội đồng nhân dân phường Ninh Thạnh, thành phố Tây Ninh)

STT	NỘI DUNG	ĐVT: đồng					
		LỰC THỰC HIỆN NĂM 2023		DỰ TOÁN NĂM 2024		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
TỔNG THU							
I	Các khoản thu 100%	3.404.987.984	13.946.565.308	3.466.000.000	9.187.414.000	101,79	65,88
	Phí, lệ phí	530.544.150	530.544.150	339.000.000	339.000.000	63,90	63,90
	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	152.827.000	152.827.000	253.000.000	253.000.000	165,55	165,55
	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	65.400.000	65.400.000			-	-
	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định	97.200.000	97.200.000	60.000.000	60.000.000	61,73	61,73
	Thu khác	67.560.000	67.560.000			-	-
		147.557.150	147.557.150	26.000.000	26.000.000	17,62	17,62
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	2.874.443.834	2.705.233.470	3.127.000.000	2.922.400.000	108,79	108,03
	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	1.430.753.155	1.430.753.155	981.000.000	981.000.000	68,57	68,57
	Thuế giá trị gia tăng	930.931.925	930.931.925	1.526.000.000	1.526.000.000	163,92	163,92
	Thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên khoáng sản, vùng thời vùng biển						
	Thuế thu nhập doanh nghiệp						
	Thuế thu nhập cá nhân						
		512.758.754	343.548.390	620.000.000	415.400.000	120,91	120,91
III	Huyện thu xã hưởng	-	4.988.739.242	-	4.886.614.000		97,95
	Thuế giá trị gia tăng		1.181.720.700		1.675.000.000		141,74
	Thuế thu nhập doanh nghiệp		373.230.276		603.000.000		161,56
	Thuế tiêu thụ đặc biệt		35.591.738		6.700.000		18,82
	Lệ phí trước bạ nhà, đất		895.926.434		2.601.914.000		290,42
	Thuế thu nhập cá nhân		2.470.535.910				
	Thu khác		31.734.184				
IV	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên		377.300.000		130.200.000		34,51
	Thu bổ sung cân đối						
	Thu bổ sung mục tiêu		377.300.000		130.200.000		34,51
V	Thu chuyển nguồn năm trước (nguồn CCTL)		4.137.933.927		909.200.000		
VI	Thu kết dư ngân sách năm trước		1.206.814.519				

Kế toán


Nguyễn Thị Như Ngọc

Ninh Thạnh, ngày 5 tháng 12 năm 2023



TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số/NQ-HĐND ngày .../12/2023
của Hội đồng nhân dân phường Ninh Thạnh, thành phố Tây Ninh)

ĐVT: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2023			DỰ TOÁN NĂM 2024			SỐ SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	ĐTPT	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐTPT	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐTPT	THƯỜNG XUYÊN
	1	2	3	4	5	6	7	8=5/2	9=6/3	10=7/4
	TỔNG SỐ CHI	8.398.290.000		8.398.290.000	9.187.414.000		9.187.414.000	109,40		109,40
1	Chi cho công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	2.995.571.000		2.995.571.000	3.252.623.000		3.252.623.000	108,58		108,58
1.1	Chi quốc phòng (Quân sự)	1.113.553.000		1.113.553.000	1.204.991.000		1.204.991.000	108,21		108,21
	Lương và các khoản đóng góp (CHT, CHP)	169.310.000		169.310.000	211.806.000		211.806.000	125,10		125,10
	Phụ cấp và các khoản đóng góp của LL DQTT và Khu đội trưởng	506.899.000		506.899.000	555.841.000		555.841.000	109,66		109,66
	Phụ cấp trách nhiệm chính trị viên, quân sự	53.819.000		53.819.000	53.819.000		53.819.000	100,00		100,00
	Hoạt động	170.000.000		170.000.000	170.000.000		170.000.000	100,00		100,00
	Hỗ trợ tiền ăn cho LL DQTT	213.525.000		213.525.000	213.525.000		213.525.000	100,00		100,00
1.2	Chi an ninh (Công an)	1.882.018.000		1.882.018.000	2.047.632.000		2.047.632.000	108,80		108,80
	Phụ cấp và các khoản đóng góp của BVDP	1.101.058.000		1.101.058.000	1.110.432.000		1.110.432.000	100,85		100,85
	Bồi dưỡng trực đêm LL BVDP	750.960.000		750.960.000	907.200.000		907.200.000	120,81		120,81
	Hoạt động	30.000.000		30.000.000	30.000.000		30.000.000	100,00		100,00
2	Chi văn hóa, thông tin	187.944.000		187.944.000	202.080.000		202.080.000	107,52		107,52
2.1	VH TT, truyền thanh	28.000.000		28.000.000	28.000.000		28.000.000	100,00		100,00

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2023			DỰ TOÁN NĂM 2024			SỐ SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	ĐIPT	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐIPT	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐIPT	THƯỜNG XUYÊN
2.2	Kinh phí hỗ trợ đối với Ban CTMT ở khu dân cư thực hiện Cuộc vận động và các phong trào được phát động ở địa phương	32.000.000		32.000.000	32.000.000		32.000.000	100,00		100,00
2.3	Kinh phí thực hiện cuộc vận động của UBMTTQVN	20.000.000		20.000.000	20.000.000		20.000.000	100,00		100,00
2.4	Phụ cấp cộng tác viên TTVH - TT - HTCD	16.092.000		16.092.000	19.440.000		19.440.000	120,81		120,81
2.5	Phụ cấp Giám đốc, Phó Giám đốc TTVH - TT - HTCD	30.396.000		30.396.000	36.720.000		36.720.000	120,81		120,81
2.6	Phụ cấp cộng tác viên phòng chống bạo lực gia đình	21.456.000		21.456.000	25.920.000		25.920.000	120,81		120,81
2.7	Kinh phí hoạt động của TTVH - TT - HTCD	40.000.000		40.000.000	40.000.000		40.000.000	100,00		100,00
3	Chi thể dục, thể thao	21.000.000		21.000.000	21.000.000		21.000.000	100,00		100,00
4	Chi bảo vệ môi trường	50.000.000		50.000.000	50.000.000		50.000.000	100,00		100,00
5	Chi các hoạt động kinh tế	371.187.000		371.187.000	416.928.000		416.928.000	112,32		112,32
6	Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	4.288.702.000		4.288.702.000	4.866.939.000		4.866.939.000	113,48		113,48
6.1	Lương và các khoản đóng góp (CBCC, KCT)	2.869.869.000		2.869.869.000	3.468.843.000		3.468.843.000	120,87		120,87
6.2	Phụ cấp Lãnh đạo chuyên trách Hội đặc thù	144.828.000		144.828.000	174.960.000		174.960.000	120,81		120,81
6.3	Phụ cấp Đại biểu HĐND	112.644.000		112.644.000	136.080.000		136.080.000	120,81		120,81
6.4	Phụ cấp Trưởng, phó Ban HĐND	11.801.000		11.801.000	14.256.000		14.256.000	120,80		120,80
6.5	Phụ cấp cấp ủy	75.096.000		75.096.000	90.720.000		90.720.000	120,81		120,81
6.6	Thù lao đội xã hội tình nguyện	32.184.000		32.184.000	38.880.000		38.880.000	120,81		120,81

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2023			DỰ TOÁN NĂM 2024			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	DTPT	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	DTPT	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	DTPT	THƯỜNG XUYÊN
6.7	Kinh phí hỗ trợ thêm hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân cấp xã (phần chênh lệch 2 triệu tăng 5 triệu)	3.000.000		3.000.000			0	0,00		0,00
6.8	Kinh phí hoạt động tổ dân cư tự quản	146.400.000		146.400.000	73.200.000		73.200.000			50,00
6.9	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự ATGT cho Ban ATGT	35.000.000		35.000.000	30.000.000		30.000.000	85,71		85,71
6.10	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản.	70.000.000		70.000.000	70.000.000		70.000.000	100,00		100,00
6.11	Phụ cấp CTV nghề công tác XH	17.880.000		17.880.000			0	0,00		0,00
6.12	Kinh phí hoạt động quản lý hành chính (Khoán). Trong đó:	400.000.000		400.000.000	400.000.000		400.000.000	100,00		100,00
	Tiết kiệm CCTL	40.000.000		40.000.000	40.000.000		40.000.000	100,00		100,00
	Hoạt động Đoàn Thanh niên	12.000.000		12.000.000	12.000.000		12.000.000	100,00		100,00
	Hoạt động Hội liên hiệp Phụ nữ	10.000.000		10.000.000	10.000.000		10.000.000	100,00		100,00
	Hoạt động Hội Nông dân Việt Nam	10.000.000		10.000.000	10.000.000		10.000.000	100,00		100,00
	Hoạt động Hội Cựu chiến binh	10.000.000		10.000.000	10.000.000		10.000.000	100,00		100,00
	Hoạt động Mặt trận tổ quốc	11.000.000		11.000.000	11.000.000		11.000.000	100,00		100,00
	Kinh phí duy trì Công thông tin điện tử phường	5.000.000		5.000.000	5.000.000		5.000.000			
	Chi hoạt động của UBND	302.000.000		302.000.000	302.000.000		302.000.000	100,00		100,00
6.13	Kinh phí hoạt động quản lý hành chính (Không Khoán). Trong đó:	370.000.000		370.000.000	370.000.000		370.000.000	100,00		100,00
	Tiết kiệm CCTL	37.000.000		37.000.000	37.000.000		37.000.000	100,00		100,00
	Chi hoạt động Đảng	80.000.000		80.000.000	80.000.000		80.000.000	100,00		100,00
	Chi hoạt động Hội đồng nhân dân UBND	225.000.000		225.000.000	222.000.000		222.000.000	98,67		98,67
	Hoạt động Hội chữ thập đỏ	8.000.000		8.000.000	8.000.000		8.000.000	100,00		100,00
	Hoạt động Hội người cao tuổi	8.000.000		8.000.000	8.000.000		8.000.000	100,00		100,00

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2023			DỰ TOÁN NĂM 2024			SỐ SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	ĐTPT	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐTPT	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐTPT	THƯỜNG XUYÊN
	Chi hoạt động Ban Thanh tra nhân dân	2.000.000		2.000.000	5.000.000		5.000.000	250,00		250,00
	Chi hoạt động Ban giám sát đầu tư cộng đồng	10.000.000		10.000.000	10.000.000		10.000.000	100,00		100,00
7	Chi công tác xã hội	272.923.000		272.923.000	126.119.000		126.119.000	46,21		46,21
8	Chi khác ngân sách	39.225.000		39.225.000	44.027.000		44.027.000	112,24		112,24
9	Dự phòng ngân sách	157.683.000		157.683.000	176.990.000		176.990.000	112,24		112,24
10	Nguồn chưa phân bổ	14.055.000		14.055.000			0			-
11	Chi tạo nguồn CCTL				30.708.000		30.708.000			

Kế toán



Nguyễn Thị Như Ngọc

Ninh Thành, ngày 25 tháng 12 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Quang Vinh